**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **A.** | | **LISTENING** | 1. Nghe một đoạn hội thoại về chủ đề sống lành mạnh .  *Unit 2: healthy living*  *(True or false)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Nghe một đoạn văn về chủ đề âm nhạc và nghệ thuật.  Unit 4: music and art  *(Multiple choice questions)* | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **B.** | **LANGUAGE** | | **2. Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ điểm: hobbies , health … | **Nhận biết:**  Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Grammar**  **Các chủ điểm ngữ pháp đã học**  - present simple tense  - past simple tense  - comparisions  - Prepisisions  - Some, a lot of, lots of  … | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp đã học vào bài nghe/ nói/ đọc/ viết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III.** | | **READING** | **1. Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học.  (*Từ vựng, lượng từ, liên từ, giới từ…* ) | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình  ( *Tiêu đề, từ quy chiếu, tù đồng nghĩa/ trái nghĩa, thông tin chi tiết có trong bài*) | **Nhận biết:**  - Thông tin chi tiết | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp.  - Hiểu được nghĩa tham chiếu.  - Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiều, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **IV.** | | **WRITING** |  | **Nhận biết:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Rearrange the words to make meaningful sentences**  **2. Sentence building** | **Thông hiểu:**  - Sử dụng các từ đã cho để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |
| **Vận dụng:**  - ử dụng các từ gợi ý để viết. thành câu hoàn chỉnh |  |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |
| **3. Writing letter** | **Vận dụng cao:**  - Sử dụng các gợi ý để viết thư |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |
| **V.** | | **SPEAKING** | **1. Introduction** | **Nhận biết:**  - G*iới thiệu các thông tin về bản thân/ sở thích/ về thầy cô, mái trường/ môn học yêu thích.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Topic speaking**  **FILMS**  **FESTIVALS**  **…** | **Thông hiểu:**  *- Sử dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để nói theo chủ đề.*  **Vận dụng:**  *- Sử dụng từ vựng và cấu trúc linh hoạt, diễn tả được nội dung cần nói theo những cách khác nhau. Phát âm tương đối chuẩn.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Q&A** | **Vận dụng cao:**  *- Hiểu và trả lời được câu hỏi của giám khảo và trả lời một cách linh hoạt. Sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên và thuần thục.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tổng*** | | |  |  | ***13*** |  | ***14*** | ***3*** | ***3*** | ***2*** |  | **1** | **30** | **6** |

**Lưu ý:**

*- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).*